

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

QUÁCH THỊ VŨ HUỆ

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60.14.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Quang Giao**

Phản biện 1: **PGS. TS. Nguyễn Bảo Hoàng Thanh**

Phản biện 2: **TS. Trương Công Thanh**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng bảo vệ chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Giáo dục học, họp tại Trường Đại học Trà Vinh vào ngày 08 tháng 6 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, công tác đào tạo nghề (ĐTN) đã được phục hồi, ổn định và từng bước phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực kỹ thuật của thị trường lao động. Hiện nay, mặc dù chất lượng và hiệu quả ĐTN có bước chuyển biến tích cực, các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy nghề đã từng bước được cải thiện nhưng công tác ĐTN ở nước ta vẫn còn tồn tại những hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất và dịch vụ, thể hiện ở tác phong làm việc, thể lực của người lao động, năng lực sáng tạo, giao tiếp của học viên (HV).

Nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao tại chỗ cho các dự án kinh tế lớn ở tỉnh Trà Vinh là một thách thức đối với các cơ sở GD & ĐT trong Tỉnh. Trước tình hình đó, Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh (ĐHTV) đã ban hành Quyết định số 344/QĐ - ĐHTV, ngày 27/11/2006 về việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Sản xuất, Dịch vụ với nhiệm vụ ĐTN ngắn hạn để phục vụ cộng đồng; đặc biệt là nhu cầu ĐTN cho thanh niên vùng nông thôn và dân tộc. Tuy nhiên, công tác ĐTN tại Trường ĐHTV còn những hạn chế nhất định như: Chất lượng ĐTN cho HV chưa đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và yêu cầu của quy hoạch phát triển công nghiệp ở địa phương; năng lực tay nghề của HV sau tốt nghiệp còn hạn chế; CSVC, trang thiết bị dạy nghề thiếu đồng bộ; ngành nghề đào tạo chưa đa dạng,...

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi chọn đề tài ***“Biện pháp quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh”*** để nghiên cứu với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thông qua việc khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý ĐTN ngắn hạn, đề xuất các

biện pháp quản lý chất lượng (QLCL) ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV trong giai đoạn hiện nay.

3. Khách thể, đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV.

4. Giả thuyết khoa học

Chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên so với yêu cầu vẫn còn những hạn chế. Nếu áp dụng các biện pháp quản lý tác động đồng bộ thì sẽ nâng cao chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV trong giai đoạn hiện nay.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về chất lượng, chất lượng đào tạo nghề, quản lý chất lượng đào tạo nghề ở trường đại học.

- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV.

- Đề xuất các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh trong giai đoạn hiện nay.

6. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu công tác QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh và sử dụng số liệu thống kê công tác ĐTN ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh giai đoạn 2009 – 2012.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.3. Nhóm phương pháp xử lý thông tin

8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

8.1. Ý nghĩa khoa học

Hệ thống hóa các tài liệu, cơ sở lý luận về chất lượng, chất lượng ĐTN, QLCL, quản lý chất lượng ĐTN ở trường đại học.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề xuất các biện pháp quản lý chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh.

9. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về QLCL ĐTN ở trường đại học.

Chương 2: Thực trạng quản lý chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh.

Chương 3: Biện pháp quản lý chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường Đại học Trà Vinh.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC

1.1. TỔNG QUAN NHỮNG NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Vấn đề chất lượng ĐTN từ trước đến nay, là một đề tài có tính thời sự, luôn thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Ở Đức, các loại hình trường của giáo dục nghề nghiệp rất đa dạng, đặc biệt là các loại hình trường ĐTN hoặc giáo dục phổ thông kết hợp với ĐTN. Còn ở Úc không có một hệ thống chuyên nghiệp riêng, tách rời hệ thống dạy nghề, mà gắn bó chung trong một hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Ở Việt Nam, bắt đầu từ năm 1990, nhờ sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, sự nỗ lực của toàn Ngành, công tác ĐTN ở nước ta đã được phục hồi và từng bước phát triển. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực ĐTN và chất lượng ĐTN được các nhà nghiên cứu giáo dục công bố như: “Giáo dục nghề nghiệp – những vấn đề và giải pháp” của PGS.TS. Nguyễn Viết Sự (2005); “Đổi mới hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề ở Việt Nam giai đoạn 2001- 2010” của PGS.TS. Đỗ Minh Cương; “Giáo dục kỹ thuật - nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực” của PGS. TS. Trần Khánh Đức (2002),...

Tuy nhiên, QLCL ĐTN ở một cơ sở ĐTN ở trường đại học chưa được nghiên cứu một cách cụ thể và có hệ thống đặc biệt là đối với

Trường ĐHTV. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV có ý nghĩa quan trọng và cấp thiết.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Quản lý, quản lý giáo dục

a. Quản lý

Là một hoạt động có chủ đích, được tiến hành bởi một chủ thể QL nhằm tác động lên khách thể QL để thực hiện các mục tiêu xác định của công tác QL.

b. Quản lý giáo dục

Là hệ thống những tác động có mục đích, kế hoạch, hợp quy luật, của chủ thể QL đến khách thể QL nhằm đạt được mục tiêu GD đề ra.

1.2.2. Nghề, đào tạo nghề, đào tạo nghề ngắn hạn

a. Nghề

Là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, những kỹ năng để làm ra các loại sản phẩm vật chất hay tinh thần nào đó, đáp ứng được những nhu cầu của xã hội.

b. Đào tạo nghề

Theo Luật dạy nghề, dạy nghề (đào tạo nghề) là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học.

c. Đào tạo nghề ngắn hạn

Là cách thức ĐTN trong thời gian ngắn (đào tạo dưới một năm) đối với người có trình độ học vấn, sức khoẻ phù hợp với nghề cần học nhằm tạo cơ hội cho người học tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm.

1.2.3. Chất lượng, chất lượng đào tạo nghề

a. Chất lượng

Trên cơ sở phân tích các định nghĩa về chất lượng của tác giả trong và ngoài nước, chất lượng là: Khái niệm tương đối, động, đa chiều; Phù hợp với mục tiêu và mục tiêu đó phải phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội; Thỏa mãn nhu cầu, kì vọng của khách hàng.

b. Chất lượng đào tạo nghề

Là sự đáp ứng mục tiêu ĐTN. Chất lượng ĐTN bao gồm chất lượng đầu vào, chất lượng của quá trình ĐTN và chất lượng đầu ra.

1.2.4. Quản lý chất lượng, quản lý chất lượng đào tạo nghề

a. Quản lý chất lượng

QLCL là hoạt động tổ chức, kiểm soát và phân bổ các nguồn lực để đạt được những mục tiêu chất lượng.

b. Quản lý chất lượng đào tạo nghề

Quản lý chất lượng ĐTN là quản lý quá trình dạy của người GV dạy nghề và học của HV học nghề trong quá trình đào tạo nhằm đáp ứng các tiêu chí đánh giá các nội dung của quá trình đào tạo.

1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN

1.3.1. Mục tiêu của đào tạo nghề ngắn hạn

Nhằm trang bị cho người học nghề năng lực thực hành một nghề đơn giản hoặc năng lực thực hành một số công việc của một nghề; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

1.3.2. Các hình thức đào tạo nghề ngắn hạn

Những hình thức đang được áp dụng chủ yếu hiện nay là: Đào tạo tại địa phương; Đào tạo tại doanh nghiệp; Đào tạo tại cơ sở dạy nghề.

1.3.3. Đặc thù của đào tạo nghề ngắn hạn

Là ĐTN dưới một năm cho công dân Việt Nam trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học.

1.3.4. Hệ thống tổ chức đào tạo nghề

Bao gồm: Hệ thống đào tạo chính qui; Các cơ sở ĐTN ngoài hệ thống trường đào tạo chính qui; Các trung tâm ĐTN quận, huyện và các trung tâm dịch vụ việc làm đào tạo các lớp do các ngành và các thành phần kinh tế yêu cầu; Các trường dạy nghề tư thục và các lớp dạy nghề tư nhân; Hợp tác quốc tế về đào tạo nghề.

1.3.5. Các quy định về chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề và hỗ trợ sau học nghề

Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy định về chính sách hỗ trợ về ĐTN và hỗ trợ sau học nghề. Đây là cơ sở để các cơ sở ĐTN triển khai thực hiện ĐTN nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1.4. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN

1.4.1. Mục tiêu quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn

QLCL ĐTN ngắn hạn về cơ bản là quản lý việc tuyển sinh đầu vào, quản lý nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp, phương tiện... nhằm thích ứng với các điều kiện tác động của bên ngoài như: tác động của khoa học công nghệ, yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, tác động của phát triển kinh tế - xã hội.

1.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề

a. Các yếu tố vĩ mô

b. Các yếu tố vi mô

1.4.3. Nội dung quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn

a. Đảm bảo chất lượng tuyển sinh đầu vào

- Tổng số học viên theo chỉ tiêu phân bổ;
- Cách thức tuyển sinh và các chế độ ưu đãi;
- Trình độ học vấn phù hợp với nghề đăng ký;
- Động cơ học tập;
- Đủ sức khỏe tham gia học nghề theo qui định.

b. Đảm bảo thực hiện nội dung, chương trình đào tạo

- Nội dung dạy nghề trình độ sơ cấp phải phù hợp với mục tiêu dạy nghề trình độ sơ cấp, tập trung vào năng lực thực hành nghề, phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của khoa học, công nghệ.

- Chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp thể hiện mục tiêu dạy nghề trình độ sơ cấp; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức dạy nghề; cách thức

đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô-đun, mỗi nghề. Chương trình do người đứng đầu cơ sở dạy nghề tổ chức biên soạn và duyệt.

c. Quản lý hoạt động dạy của giáo viên

- Quản lý việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy, quản lý sinh hoạt chuyên môn, theo dõi chỉ đạo việc hoàn thiện các hồ sơ sổ sách chuyên môn theo qui định;

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên;

- Hiểu rõ các ưu điểm, khuyết điểm về chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức của từng giáo viên;

- Đánh giá giáo viên thông qua học viên;

- Kiểm tra đánh giá giáo viên thông qua đồng nghiệp và người quản lý được xem là cần thiết.

d.. Quản lý hoạt động học của học viên

- Quản lý quá trình học tập tại lớp;

- Quản lý thực hành cơ bản ở xưởng và thực hành ở cơ sở sản xuất;

- Theo dõi, tìm hiểu để nắm được những biểu hiện tích cực và tiêu cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học viên;

- Theo dõi, khuyến khích HV phát huy các yếu tố tích cực, khắc phục tiêu cực để phấn đấu vươn lên đạt kết quả học tập và rèn luyện.

e. Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ máy móc thiết bị và nguyên vật liệu cho hoạt động đào tạo;

- Đảm bảo đầy đủ nguồn tài chính cho việc xây dựng cơ sở vật chất và các hoạt động khác phục vụ cho quá trình dạy học;

- Đảm bảo lớp học, xưởng thực hành đáp ứng nhu cầu dạy và học;

- Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy và học tập.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Vấn đề quản lý chất lượng đào tạo nghề đã được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước. Đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề này ở những phạm vi nhất định. Qua nghiên cứu cơ sở lý luận về chất lượng ĐTN, QLCL ĐTN nói chung và chất lượng ĐTN ngắn hạn nói riêng, phân tích các đặc trưng hoạt động

ĐTN ngắn hạn của cơ sở ĐTN, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề và các nội dung cơ bản của QLCL ĐTN ngắn hạn, đề tài rút ra kết luận QLCL ĐTN phải là một quá trình, phải có chuẩn để đánh giá. Trong quá trình quản lý phải nhận thức và phân tích được các yếu tố có ảnh hưởng đến chất lượng ĐTN và việc QLCL ĐTN.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

2.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TRÀ VINH

2.1.1. Vị trí địa lý, tài nguyên, dân số, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh

Trà Vinh là tỉnh duyên hải Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 2.292 km² với dân số khoảng 1,1 triệu người trong đó dân tộc Khmer chiếm 30% dân số, bao gồm 1 thành phố trực thuộc tỉnh và 7 huyện. Mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 – 2015 của tỉnh Trà Vinh là nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với ổn định đời sống và việc làm của người lao động, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, góp phần ổn định kinh tế.

2.1.2. Tình hình dạy nghề ở tỉnh Trà Vinh

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 14 cơ sở DN công lập. Ngoài ra, còn có các cơ sở DN tư nhân tổ chức lớp đào tạo nghề tại các đơn vị và có hơn 10 công ty, hợp tác xã, cơ sở sản xuất dạy nghề theo hình thức kèm cặp, truyền nghề và giải quyết việc làm tại chỗ. Hiện nay toàn tỉnh có 280 GV và 89 CBQL DN. Thực trạng trên cho thấy tại các trung tâm DN chỉ có từ 03 đến 05 biên chế làm nhiệm vụ QL đồng thời tham gia giảng dạy và có khoảng 50% GV DN đạt chuẩn trình độ chuyên môn và nghiệp vụ DN theo quy định.

2.2. SƠ LƯỢC QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Trường ĐHTV tiền thân là trường Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh được thành lập theo Quyết định số 4475/QĐ-BGD&ĐT ngày

03/8/2001 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT trên cơ sở sáp nhập Trung tâm GD thường xuyên và Trường DN tỉnh Trà Vinh; đồng thời giao tiếp nhận dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam - Canada do Chính phủ Canada tài trợ. Trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ký Quyết định số 141/QĐ-TTg ngày 19/6/2006 thành lập Trường ĐHTV. Tháng 4 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 639/QĐ-TTg sáp nhập Trường Cao đẳng Sư phạm Trà Vinh vào Trường ĐHTV.

2.3. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT

2.3.1. Mục đích khảo sát

2.3.2. Nội dung khảo sát

2.3.3. Đối tượng khảo sát

2.3.4. Tổ chức khảo sát

Khảo sát bằng phiếu trưng cầu ý kiến của 45 GV và CBQL, 108 HV học nghề ngắn hạn ĐHTV về thực trạng QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV cùng 9 Doanh nghiệp sử dụng lao động.

2.4. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

2.4.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, HV Trường ĐHTV về chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn

Nhìn bảng 2.1 ta thấy, hầu hết CBQL, GV, HV có nhận thức tích cực về chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV; đa số ý kiến cho rằng rất cần thiết và cần thiết. Tuy nhiên, có 2 CBQL (chiếm 20%) và 3GV (chiếm 2,5%) cho rằng việc nhận thức về CL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV không cần thiết; 10 HV (chiếm 9,3%) đánh giá không cần thiết và 4 HV (chiếm 3,7%) cho rằng hoàn toàn không cần thiết.

2.4.2. Thực trạng kết quả học tập và chất lượng ĐTN của HV học nghề ngắn hạn tại Trường ĐHTV

Nhìn chung, công tác ĐTN có những chuyển biến tích cực, tỷ lệ HV học nghề ngắn hạn sau khi tốt nghiệp có việc làm đạt trên 70%. Qua khảo sát về lao động trực tiếp và gián tiếp của 9 công ty, doanh nghiệp có trụ sở đặt tại tỉnh Trà Vinh cho biết đa số tay nghề của HV

tham gia làm việc ở mức khá tốt, về khả năng làm việc của HV so với yêu cầu của đơn vị thì được 1 doanh nghiệp, công ty đánh giá là có thể sử dụng ngay, có 6 đơn vị cho rằng cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc nhưng trong quá trình làm việc đơn vị phải đào tạo bổ sung, còn lại 2 đơn vị cho rằng phải đào tạo lại để đáp ứng yêu cầu công việc.

2.5. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

2.5.1. Thực trạng quản lý tuyển sinh đầu vào ĐTN ngắn hạn và thực hiện chính sách đối với học viên

Qua khảo sát cho thấy quản lý tuyển sinh đầu vào trong ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV có những điểm mạnh, có 17,8 % ý kiến CBQL và GV đánh giá rất tốt; có 35,6% ý kiến CBQL và GV đánh giá tốt, có 26,7% đánh giá ở mức khá. Tuy nhiên, có 15,6% cho rằng ở mức trung bình, 4,4% đánh giá yếu. Điều này thể hiện tổ chức tuyển sinh chưa tốt, kế hoạch triển khai chưa hiệu quả, sự phối hợp với các đoàn thể, chính quyền địa phương để triển khai đến người học chưa sâu rộng từ đó số lượng HV tham gia học chưa cao. Bên cạnh đó, công tác tư vấn, hỗ trợ việc làm đối với HV tốt nghiệp còn nhiều hạn chế.

2.5.2. Thực trạng quản lý nội dung, chương trình đào tạo

Thông tư số 31 ngày 8/10/2010 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ sơ cấp. Việc triển khai, thực hiện nội dung chương trình đào tạo được đánh giá khá cao. Tuy nhiên, thực tế nội dung chương trình đào tạo vẫn còn nặng về lý thuyết, thời gian thực hành tay nghề còn ít, còn khoảng cách giữa thực tế sản xuất và chương trình đào tạo, có 6,7% ý kiến của CBQL và GV; 3,7% ý kiến của HV đánh giá yếu. Về đánh giá kết quả đào tạo, có 15,5 % ý kiến của CBQL và GV; có 10,2 % ý kiến của HV cho rằng ở mức trung bình.

2.5.3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giáo viên

Về thực trạng hoạt động dạy của GV thể hiện tương đối tốt do đội ngũ GV giảng dạy là những giảng viên đến từ Bộ môn của trường, họ là những GV trẻ, nhiệt tình, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng tay

nghe. Kết quả khảo sát cho thấy việc chuẩn bị giờ lên lớp của GV được đánh giá khá cao. Tuy nhiên vẫn còn một số GV chưa đảm bảo giờ giấc, đặc biệt đối với các lớp đào tạo tại địa phương. Về việc chọn lựa PPDH là một trong những bước quan trọng trong quá trình giảng dạy, tuy nhiên việc lựa chọn PPDH phù hợp với đối tượng học nghề ngắn hạn của một số GV vẫn còn hạn chế cho nên có 15,6% ý kiến của CBQL, GV và 13,9% ý kiến của HV đánh giá ở mức trung bình.

2.5.4. Thực trạng quản lý hoạt động học của học viên

Công tác QL quá trình học tập của HV đã đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, chỉ mới dừng lại ở việc kiểm tra tình hình học tập của HV qua sổ lên lớp. Công tác thống kê số ngày nghỉ của HV/lớp hoặc môn học; số HV nghỉ học, bỏ học/GV phụ trách chưa được quan tâm và thực hiện triệt để. Do đa số HV là trụ cột gia đình nên phải đi làm để kiếm tiền nuôi gia đình nên đôi lúc phải nghỉ học, có 0,9% ý kiến của HV đánh giá yếu. Việc phát biểu xây dựng bài còn hạn chế, đa số HV tham gia học ngắn hạn chưa mạnh dạn phát biểu, có 11,1% ý kiến của CBQL và GV; có 4,6% ý kiến của HV đánh giá mức yếu. Về phương pháp tự học còn nhiều hạn chế, đa số HV tham gia học ngắn hạn chỉ học những gì GV truyền đạt, không tự giác tìm hiểu, tự học hỏi, có 15,6% ý kiến CBQL và GV; có 12% ý kiến của HV đánh giá mức yếu.

2.5.5. Thực trạng QL cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Trường ĐHTV nhận được sự hỗ trợ nhiều trang thiết bị hiện đại từ Canada theo dự án Cao đẳng Cộng đồng Việt Nam – Canada nên có sự đầu tư khá đồng bộ về CSVC, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo. Hàng năm với việc xây dựng kế hoạch đào tạo nói chung, nhà Trường đã xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng theo từng hạng mục. Qua khảo sát thực trạng QL CSVC, trang thiết bị phục vụ đào tạo được CBQL, GV và HV đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, để công tác này đạt mức cao hơn rất cần sự phối hợp của các đơn vị liên quan, nhất là các bộ môn của trường có kế hoạch sử dụng, bảo dưỡng và bổ sung đúng với mục tiêu đào tạo ĐTN ngắn hạn nói riêng góp phần QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV ngày càng cao.

2.5.6. Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo

Qua khảo sát cho thấy việc tổ chức thi, kiểm tra kết thúc khóa học nghiêm túc, khách quan được ý kiến từ CBQL, GV và HV đánh giá ở mức độ tốt. Tuy nhiên, vẫn có ý kiến cho rằng thông báo kết quả kiểm tra, thi tốt nghiệp chưa kịp thời chiếm 2,8 % ý kiến của HV. Thực tế việc thông báo chậm trễ kết quả kiểm tra thường xảy ra đối với các lớp ở nông thôn, do vừa kết thúc khóa học đa số HV tham gia vào sản xuất nên rất khó tập trung để thông báo kết quả. Hình thức thi, kiểm tra còn tiến hành theo hình thức truyền thống chưa mạnh dạn mời các nhà doanh nghiệp là những người trực tiếp sử dụng lao động ra đề thi hoặc tham gia giám khảo đánh giá tay nghề, kiến thức của HV.

2.6. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐHTV

2.6.1. Mặt mạnh

Trước hết, đó là sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban giám hiệu nhà trường, sự quan tâm giúp đỡ của Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Trà Vinh đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ĐTN. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các lực lượng trong trường và địa phương tham gia QL công tác ĐTN. Đội ngũ CBQL có năng lực, nhiệt tình trong công việc. Đội ngũ GV của trường tận tâm, yêu nghề, năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu đối với dạy nghề.

2.6.2. Mặt yếu

Bộ máy QL công tác ĐTN ngắn hạn của trường chưa được kiện toàn. Khả năng tác nghiệp của bộ phận chức năng chưa đáp ứng yêu cầu. Một bộ phận HV chưa nhận thức đúng đắn, chưa thực sự tự giác trong học tập, một số tham gia học là vì nguồn kinh phí hỗ trợ từ chính phủ. GV là những người tham gia dạy ở trình độ Cao đẳng, Đại học nên một số GV chưa quen dạy ngắn hạn. Công tác QL còn chưa sâu sát, kịp thời nhất là việc tổ chức triển khai thực hiện đôi lúc còn chậm so với kế hoạch. Công tác kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên. Chuẩn đánh giá chưa thực sự phù hợp. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa được thực hiện sâu rộng đến người học.

2.6.3. Thuận lợi cơ bản

Vấn đề QLCL ĐTN luôn được Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường DHTV quan tâm chỉ đạo một cách toàn diện. Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể ở địa phương có tổ chức lớp học tạo điều kiện tốt cho việc triển khai công tác ĐTN ngắn hạn trong việc tích cực tuyên truyền, khuyến khích HV tham gia, hỗ trợ về địa điểm tổ chức lớp học giúp HV được học tại chỗ mà không phải đi xa. Hơn thế nữa, sự giúp đỡ từ các Bộ môn đã tạo điều kiện trong việc phân công GV, hỗ trợ trang thiết bị DN, sự nhiệt tình của đội ngũ GV không ngại đường xa tham gia vào hoạt động dạy nghề ngắn hạn.

2.6.4. Khó khăn

Do đặc thù của công tác ĐTN ngắn hạn đa số tổ chức ở tại địa phương nên việc vận chuyển thiết bị dạy học rất khó khăn, vì thế một số nghề không tổ chức được. Đội ngũ CBQL ĐTN ngắn hạn là những cán bộ trẻ, chưa có kinh nghiệm trong công việc. Việc triển khai tuyên truyền chủ trương chính sách ưu đãi, khuyến khích học nghề đặc biệt là DN cho lao động nông thôn chưa được thông tin đầy đủ, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Công tác ĐTN chưa thật sự xuất phát từ nhu cầu sản xuất của xã hội, chưa gắn kết với giải quyết việc làm. GV dạy nghề ngắn hạn còn hạn chế về thực tiễn sản xuất. Một bộ phận người lao động chưa nhận thực được tầm quan trọng của việc học nghề, mà chỉ trông chờ và ỷ lại vào sự hỗ trợ của Chính phủ.

2.6.5. Đánh giá chung

Công tác ĐTN ngắn hạn tại Trường DHTV trong thời gian qua đã nhận được sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban giám hiệu nhà trường, sự quan tâm giúp đỡ của Sở Lao động, Thương binh và xã hội tỉnh Trà Vinh, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các lực lượng trong trường và địa phương tham gia QL công tác ĐTN nên đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, công tác QL ĐTN ngắn hạn còn chưa sâu sát, kịp thời nhất là việc tổ chức triển khai thực hiện đôi lúc còn chậm so với kế hoạch; công tác kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên; công tác thông tin, tuyên truyền chưa được thực hiện sâu rộng đến người

học. Từ thực trạng nêu trên, việc đề xuất các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV có tính cấp thiết và ý nghĩa thực tiễn cao.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Qua kết quả khảo sát thể hiện công tác ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV đang từng bước hoàn thiện nên không tránh khỏi những khó khăn, thử thách trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng. Tuy nhiên, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo, sự nỗ lực của tập thể CBQL, GV và HV nhà trường, những khó khăn trong công tác QLCL nghề ngắn hạn sẽ dần được tháo gỡ nhằm góp phần nâng cao chất lượng ĐTN nói chung và ĐTN ngắn hạn nói riêng.

Với các phương pháp nghiên cứu cụ thể, thực trạng công tác QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV đã được tìm hiểu, phân tích, nhận định về những thuận lợi, khó khăn; mặt mạnh cũng như những yếu kém cần khắc phục. Cùng với cơ sở lí luận, biểu hiện của thực trạng là cơ sở cho việc xác lập các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV nhằm nâng cao hiệu quả ĐTN ngắn hạn của nhà trường.

CHƯƠNG 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

3.1. CÁC NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

3.2. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ MỤC TIÊU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 CỦA TỈNH TRÀ VINH

3.2.1. Một số quan điểm chỉ đạo của Đảng về đào tạo nghề

3.2.2. Mục tiêu về việc làm và đào tạo nghề giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh Trà Vinh

a. Mục tiêu tổng quát

Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và ĐTN giai đoạn 2011 – 2015 nhằm dạy nghề và tạo mở việc làm mới và đảm bảo việc làm cho người lao động có khả năng lao động, có nhu cầu làm việc.

b. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% trong đó qua ĐTN là 37,5%. Chú trọng ĐTN theo cơ cấu (Cao đẳng nghề: 10%, Trung cấp nghề: 30%, Sơ cấp nghề: 60%); góp phần nâng dần tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS và đặc biệt là HS tốt nghiệp THPT học nghề.

- Phân đầu tuyển sinh đào tạo nghề cho 58.000 lao động (Cao đẳng nghề: 5.800 người, Trung cấp nghề: 17.400, Sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên: 34.800 người).

3.3. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

3.3.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học viên về chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn

- Tổ chức cho CBQL, GV học tập và bồi dưỡng Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về việc nâng cao chất lượng ĐTN nói chung và ĐTN ngắn hạn nói riêng.

- Phân công công việc cụ thể cho từng cán bộ, giáo viên trên cơ sở nhấn mạnh ý nghĩa, vị trí, vai trò của từng công việc, đảm bảo mỗi người xác định trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ được giao.

- Lòng ghép vào các hoạt động tập thể nhằm trao đổi, thảo luận về chất lượng ĐTN nhằm góp phần nâng cao nhận thức cho CBQL, GV.

- Tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động liên quan đến nghề, vào các doanh nghiệp tham quan trực tiếp... nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức về sự cần thiết phải nâng cao chất lượng ĐTN.

- Phổ biến kịp thời các chủ trương chính sách phát triển đào tạo nói chung và ĐTN nói riêng cho HV của Trường.

- Tổ chức học tập nội qui, qui chế cho HV trước và trong quá trình học. Giáo viên chủ nhiệm lớp làm tốt công tác quản lý HV, nhắc nhở, nắm bắt tình hình học tập, cũng như tâm tư, tình cảm, nguyện vọng

của mỗi HV để bản thân mỗi HV tự rèn luyện, phấn đấu, hoàn thành tốt chương trình đào tạo và học tập.

- Tổ chức cho HV tham quan, học tập tại các doanh nghiệp, cơ sở lao động để HV hiểu thêm về thực tế công việc đồng thời nâng cao nhận thức cho HV về chất lượng ĐTN đối với mỗi cá nhân.

3.3.2. Tăng cường quản lý quá trình dạy học nghề ngắn hạn

a. Tăng cường quản lý hoạt động dạy của giáo viên

- Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp của giáo viên như: Xây dựng đề cương giảng dạy chi tiết; xây dựng quy trình kiểm tra – đánh giá; chuẩn bị đủ nguyên vật liệu cho hoạt động dạy học.

- Quản lý thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực; với phương châm “dạy cách học, phát huy tính chủ động của người học”.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới PPDH trong ĐTN nói chung và ĐTN ngắn hạn nói riêng.

+ Trong giảng dạy lý thuyết, động viên, khuyến khích GV áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: Phương pháp giảng dạy nêu vấn đề; phương pháp thảo luận nhóm; phương pháp hội thảo phương pháp thuyết trình có sử dụng giáo cụ trực quan, phương pháp đàm thoại...

- Đối với các giờ học thực hành, yêu cầu GV áp dụng phương pháp vừa thuyết trình vừa thao tác mẫu, các bài dạy thực hành cần thiết kế theo từng bước công việc để người học dễ thực hành, từ chỗ bắt chước đến hoàn chỉnh kỹ năng và nâng thành kỹ xảo.

- Để tăng thời gian thực hành cho HV, GV lên lớp phải có sự chuẩn bị chu đáo hệ thống bài tập, áp dụng các thiết bị đa phương tiện, công nghệ hiện đại trong giảng dạy. Khi GV lên lớp đều phải có bài giảng, phổ biến rõ đề cương môn học và các yêu cầu HV thực hiện, cần chuẩn bị trong quá trình học.

- Xây dựng các công cụ kiểm tra có hiệu quả về hoạt động giảng dạy của GV.

- Tổ chức lấy ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy, giúp cho GV giảm tính chủ quan trong giảng dạy và có trách nhiệm hơn với HV.

b. Tăng cường quản lý hoạt động học của học viên

- Quản lý HV thông qua nề nếp học tập, thực hiện nội quy học tập. Việc quản lý HV được thực hiện ngay tại lớp học và xưởng thực hành, quản lý HV giờ lên lớp giúp HV chú tâm học tập tiếp thu kiến thức.

- Đánh giá chất lượng học tập của HV thông qua kiểm tra hàng ngày, kiểm tra giữa kỳ, cuối khóa, tìm ra những hạn chế để khắc phục.

- Theo dõi HV sau khi tốt nghiệp nhằm giúp lãnh đạo nhà trường biết được mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động của sản phẩm đào tạo.

- Kết hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện thông qua kiểm tra, thi kết thúc khóa học và chuyên cần trong suốt thời gian học tập.

- Trang bị, bồi dưỡng cho HV phương pháp tự học, tự nghiên cứu. Yêu cầu GV giao các bài tập tự học cho HV và có chế độ kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

- Động viên và khen ngợi kịp thời những HV giỏi trong quá trình học tập để tạo động lực tự phấn đấu của HV.

3.3.3. Đảm bảo tuyển sinh đầu vào và các chế độ khuyến khích học viên tham gia học nghề

- Thành lập bộ phận tuyển sinh đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho HV có nhu cầu học nghề, làm tốt công tác tư vấn, hướng nghiệp cho HV, khuyến khích HV học nghề và lựa chọn ngành nghề phù hợp.

- Lập kế hoạch tuyển sinh theo từng đợt và nhiều lần trong năm đảm bảo tuyển đạt chỉ tiêu, tuyển sinh theo từng chương trình của Dự án đảm bảo đúng đối tượng, đúng qui định.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyển sinh như tuyển sinh tại trường, tuyển sinh thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để đưa thông tin đến đối tượng cần tuyển sinh.

- Phối hợp với các đoàn thể địa phương đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh về các vùng nông thôn gắn với công tác ĐTN lưu động, đồng thời kết hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức về học nghề cho nhân dân.

- Quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, các khu chế xuất, khu công nghiệp; ký kết hợp đồng thỏa thuận đào tạo

cung ứng lao động cho doanh nghiệp, đào tạo theo địa chỉ, bảo đảm việc làm khi kết thúc khóa học.

- Tuyển sinh học nghề theo các hợp đồng ĐTN lao động nông thôn, lao động nghèo, lao động cận nghèo, dân tộc, người tàn tật trên địa bàn để hỗ trợ kinh phí đào tạo, hỗ trợ tiền ăn cho người nghèo trong thời gian học, khuyến khích họ học nghề giải quyết việc làm.

- Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội điều tra nhu cầu học nghề trên địa bàn để nắm được số lượng thanh niên có nhu cầu học nghề, ngành nghề cần đào tạo để tuyển sinh, lập kế hoạch khóa đào tạo phù hợp.

- Tăng cường công tác thông tin, thông báo về chế độ chính sách đối với HV học nghề ngắn hạn. Đảm bảo thực hiện đúng các quy định về chính sách đối với HV học nghề.

3.3.4. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng

- Quán triệt sâu sắc chức năng, nhiệm vụ và vai trò trách nhiệm của các phòng, khoa, bộ môn trong việc QL nội dung chương trình ĐTN ngắn hạn.

- Quản lý việc xây dựng và đổi mới nội dung chương trình ĐTN theo hướng mềm dẻo, linh hoạt thuận lợi cho người học, phân bổ thời gian hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.

- Xây dựng chương trình đào tạo phải dựa trên qui định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành với sự tham gia của các GV, CBQL, đại diện doanh nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động.

- Xây dựng chương trình với mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ ĐTN ngắn hạn và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

- Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức khác nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành nghề.

- Đổi mới nội dung đào tạo theo hướng nâng cao kỹ năng thực hành, thực tế sản xuất để tạo điều kiện chủ động gắn đào tạo với nhu cầu của sản xuất, tạo điều kiện để HV học tập và thực hành nghề gắn với yêu cầu công việc trong tương lai.

3.3.5. Đảm bảo các điều kiện về CSVC, trang thiết bị dạy học

- Bảo đảm cơ sở hạ tầng kỹ thuật như: Phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, phòng máy tính, giảng đường, phòng thí nghiệm, khu vui chơi giải trí... theo tiêu chí, tiêu chuẩn quy định.

- Căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch đào tạo và thực tế hiện có tiến hành xây dựng kế hoạch trang bị CSVC, trang thiết bị. Thực hiện tăng cường CSVC, trang thiết bị theo chuẩn đảm bảo cho ĐTN ngắn hạn.

- Đầu tư kinh phí một cách tập trung, không dàn trải mà ưu tiên cho những thiết bị hiện đại và những nghề trọng điểm và phải gắn với quá trình đổi mới mục tiêu, nội dung phương pháp ĐTN ngắn hạn.

- Tổ chức tập huấn cho GV phương pháp sử dụng trang thiết bị mới, từ đó cho GV thấy rõ tầm quan trọng của việc sử dụng trang thiết bị dạy học đối với việc nâng cao chất lượng ĐTN ngắn hạn.

- Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước cho ĐTN theo kế hoạch đã được cơ quan chủ quản quản lý phê duyệt.

- Ban hành nội quy, quy định sử dụng và khai thác tính năng thiết bị dạy học bao gồm phòng học lý thuyết và phòng thực hành.

- Tăng cường theo dõi, đánh giá việc sử dụng CSVC, trang thiết bị hàng năm để có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa đáp ứng nhu cầu đào tạo, phục vụ đào tạo.

- Động viên, khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để GV nghiên cứu sử dụng thiết bị trong quá trình giảng dạy.

3.3.6. Đảm bảo công tác kiểm tra – đánh giá quá trình đào tạo nghề ngắn hạn

- Bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, GV nắm vững và vận dụng tốt các quy chế thi, kiểm tra, các hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả ĐTN ngắn hạn đối với học viên.

- Phổ biến đề HV hiểu rõ quy chế thi, kiểm tra – đánh giá kết quả học tập, thi và xét kết quả tốt nghiệp toàn khóa.

- Đảm bảo tính chính xác, khách quan của GV trong việc đánh giá phản ánh đúng thực chất kết quả học tập của học viên.

- Đảm bảo công tác tổ chức thi đúng quy chế và quy định. Cử cán bộ coi thi theo đúng chuẩn qui định về trình độ đào tạo.

- Cải tiến phương thức kiểm tra, đánh giá, trước hết đổi mới nội dung, phương thức ra đề thi, coi và chấm thi kết thúc môn học và cuối khóa. Thực hiện tốt quy trình ra đề thi, kiểm tra.

- Tăng cường sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả nhằm đảm bảo tính khách quan, công bằng và hợp lý.

- Yêu cầu GV nêu rõ phương thức kiểm tra – đánh giá kết quả môn học trong đề cương môn học đồng thời phổ biến đề HV biết ngay từ buổi học đầu tiên của môn học.

- Quy định sử dụng kết quả đánh giá quá trình phối hợp với đánh giá kết quả cuối kỳ đối với các học phần trong ĐTN ngắn hạn.

- Sau mỗi đợt thi nên có cuộc họp tổng kết đánh giá, báo cáo kết quả quá trình tổ chức kỳ thi để rút kinh nghiệm cho những lần thi sau.

3.4. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV có quan hệ mật thiết, tác động, bổ sung hỗ trợ và gắn bó hữu cơ với nhau. Biện pháp Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, HV về QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV bao trùm lên các biện pháp khác. Biện pháp Đảm bảo các điều kiện về CSVC, trang thiết bị dạy học là biện pháp điều kiện, hỗ trợ cho hoạt động ĐTN ngắn hạn. Biện pháp Tăng cường quản lý quá trình dạy học nghề ngắn hạn là biện pháp cơ bản của QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV bởi quản lý quá trình dạy học là hoạt động chủ đạo của quá trình đào tạo và có ý nghĩa quyết định đến chất lượng ĐTN ngắn hạn. Các biện pháp Đảm bảo tuyển sinh đầu vào và các chế độ khuyến khích học viên tham gia học nghề; Đổi mới nội dung, chương trình ĐTN đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng; Đảm bảo công tác kiểm tra – đánh giá quá trình ĐTN ngắn hạn là

những biện pháp cần thiết nhằm quản lý chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV. Vì vậy, khi thực hiện các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất.

3.5. KHẢO NGHIỆM TÍNH CẤP THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

3.5.1. Mục đích khảo nghiệm

3.5.2. Đối tượng khảo nghiệm

3.5.3. Quá trình khảo nghiệm

3.5.4. Kết quả khảo nghiệm

Bảng 3.1: Kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết của các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại Trường ĐHTV

TT	Các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại Trường ĐHTV	Mức độ đánh giá					TBC	Thứ bậc
		Rất cần thiết	Cần thiết	Phân vân	Không cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết		
1	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và HV về chất lượng ĐTN ngắn hạn	21	8	1	0	0	4,67	1
2	Tăng cường quản lý quá trình dạy học nghề ngắn hạn	17	12	1	0	0	4,53	2
3	Đảm bảo tuyển sinh đầu vào và các chế độ khuyến khích học viên tham gia học nghề	10	18	2	0	0	4,27	4
4	Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng	9	18	2	1	0	4,17	6
5	Đảm bảo các điều kiện về CSVC, trang thiết bị dạy học	18	10	2	0	0	4,5	3
6	Đảm bảo công tác KT – ĐG quá trình ĐTN ngắn hạn	10	17	2	1	0	4,2	5

Bảng 3.2: Kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại Trường ĐHTV

TT	Các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại Trường ĐHTV	Mức độ đánh giá					TBC	Thứ bậc
		Rất khả thi	Khả thi	Phân vân	Không khả thi	Hoàn toàn không khả thi		
1	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV và HV về chất lượng ĐTN ngắn hạn	12	16	2	0	0	4,33	2
2	Tăng cường quản lý quá trình dạy học nghề ngắn hạn	9	18	2	1	0	4,17	4
3	Đảm bảo tuyển sinh đầu vào và các chế độ khuyến khích học viên tham gia học nghề	8	18	3	1	0	4,10	6
4	Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng	15	14	1	0	0	4,47	1
5	Đảm bảo các điều kiện về CSVC, trang thiết bị dạy học	14	12	3	1	0	4,30	3
6	Đảm bảo công tác KT – ĐG quá trình ĐTN ngắn hạn	8	19	2	1	0	4,13	5

Kết quả khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi ở bảng 3.1 và 3.2 cho thấy ý kiến đánh giá của CBQL của Trường và các khoa chuyên môn, GV dạy nghề ngắn hạn tại Trường ĐHTV đánh giá các biện pháp QLCL ĐTN ở Trường có tính cấp thiết cao (điểm TBC > 4.17) và tính khả thi cao (điểm TBC > 4.10). Điều này cho thấy những khó khăn trong công tác QLCL ĐTN ngắn hạn ở Trường ĐHTV.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng công tác QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV, đề tài đề xuất 6 biện pháp cụ thể nhằm nâng cao

chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV. Các biện pháp đề tài đề xuất là sự vận dụng, cụ thể hoá lý luận của khoa học quản lý và công tác QLCL ĐTN ngắn hạn. Các biện pháp này cần phải tiến hành đồng bộ và hỗ trợ nhau cả về mặt ý thức, tư tưởng công tác tổ chức, các điều kiện cơ sở vật chất, tài chính và những quan điểm chỉ đạo, điều hành của các cấp quản lý.

Kết quả khảo nghiệm đã xác định tính cấp thiết và tính khả thi cao của các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Quản lý chất lượng đào tạo là yêu cầu cấp thiết đối với tất cả các cơ sở giáo dục và đào tạo, trong đó có Trường ĐHTV. Nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, công tác QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV có ý nghĩa quan trọng và thực tiễn cao. Luận văn đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận về chất lượng và quản lý chất lượng, bao gồm: Chất lượng, chất lượng đào tạo nghề; quản lý chất lượng và QLCL đào tạo nghề... Các kết quả nghiên cứu đã góp phần làm phong phú thêm lý luận về quản lý chất lượng ĐTN ở trường đại học.

- Thông qua các phương pháp nghiên cứu thực tiễn thích hợp và sát thực, luận văn đã nêu lên thực trạng ĐTN ở tỉnh Trà Vinh và thực trạng QLCL ĐTN ngắn hạn ở Trường ĐHTV. Từ đó, luận văn đã phân tích những mặt mạnh, hạn chế, nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV. Kết quả nghiên cứu thực trạng là căn cứ thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV có cơ sở khoa học và khả thi.

- Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn QLCL ĐTN ngắn hạn ở Trường ĐHTV, luận văn đã đề xuất 6 biện pháp để QLCL ĐTN ngắn hạn ở Trường Đại học Trà Vinh, bao gồm: Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và học viên về chất lượng ĐTN ngắn hạn; Tăng cường quản lý quá trình dạy học nghề ngắn hạn; Đảm bảo tuyển sinh đầu vào và các chế độ khuyến khích học viên tham gia học nghề;

Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng; Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; Đảm bảo công tác kiểm tra – đánh giá quá trình đào tạo nghề ngắn hạn. Kết quả khảo nghiệm đã xác định tính cấp thiết và tính khả thi cao của các biện pháp QLCL ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV. Việc áp dụng đồng bộ, hệ thống sáu biện pháp đề tài đề xuất sẽ nâng cao chất lượng ĐTN ngắn hạn tại Trường ĐHTV hiện nay.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với UBND tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh

- Cần có sự tham gia mạnh mẽ của hệ thống chính trị ở địa phương. Làm cho mọi người thấy rõ vai trò, trách nhiệm ĐTN và sử dụng lao động có tay nghề; coi ĐTN là giải pháp đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội.

- Nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là thanh niên nông thôn trong độ tuổi lao động về vị trí, vai trò của ĐTN. Đồng thời nâng cao nhận thức của các chủ doanh nghiệp về lợi ích của ĐTN đối với sự phát triển của doanh nghiệp.

2.2. Đối với Trường Đại học Trà Vinh

- Quan tâm tổ chức và củng cố công tác quản lý ĐTN ngắn hạn. Nghiên cứu một cách nghiêm túc các biện pháp QLCL đào tạo nghề để có kế hoạch, chương trình hành động kịp thời.

- Nâng cao nhận thức của toàn thể CBQL, GV trong việc QLCL ĐTN ngắn hạn.

- Linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ của người học.

- Tập trung đầu tư đồng bộ CSVC, trang thiết bị ĐTN cho các đơn vị thuộc Trường có dạy nghề ngắn hạn. Tăng cường đội ngũ GV có chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tham gia công tác dạy nghề ngắn hạn.